

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/03/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4-RC4+BK3	7:25	0+0+18	0+0+0		2+0+18	0+0+0	Chuyến 2 RC4-BK3
2		P5+P7+P11	7:25	17+5+0	0+0+0		11+10+1	0+0+0	Chuyến 1 P5-P11, Chuyến 1 P5-P7
3		P2+P1+P3	7:25	4+11+7	0+0+0		1+11+9	0+0+0	
4		BK15+TD2-TD1	7:25	1+17+0	0+0		3+19+1	0+0	Chuyến 2 BK15-TD2
5		BK9-TD2+CLO	9:25	20+0	0+0		16+0	0+0	Chuyến 1 TD2-CLO
6		P7+BK10+BK4	9:25	22+0+0	0+0+0		17+3+0	0+0+0	Chuyến 1 P7-BK10Chuyến 1 BK10-BK4
7		TD5+P5	10:15	6+7+9	0+0+0		0+6+10	0+0+0	KT BO 20 NG
8		CTK3-P8-CLO	12:15	0+0+0			0+2+11		CHO F0
9		PVD1	15:15	0			13		CHO F0

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 5 người đi P5 chuyến đầu, về trong ngày chuyến cuối. 2/ 2 người TD2 về đi P7 chuyến sau



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2022	TO: P4 - RC4 - BK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - VLinH - Nnam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TÂM	P4	33	1	10		70	YTE	Vietnamese
2	VU DINH THUAN	P4	43-44	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO ĐỨC HÙNG	P4	27	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY THAI	P4	35	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG HỮU HẬU	P4	34	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN SĨ TUÂN	P4	42	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THAI SƠN	P4	26	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN ANH ĐỨC	P4	45	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH TUÂN	P4	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN NGỌC TUÂN	P4	32	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU VĂN ĐẠT	P4	37	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HOANG SANG	P4	39	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
13	HÀ TÂN DŨNG	P4	38	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI MẠNH CUÔNG	P4	39	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P4	41	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HỮU ANH	P4	40	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC HÒA	P4	36	1	8		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH DŨNG	P4	31	1	10	35	80	XLAP	Vietnamese
19	NGO DINH NHAT MNH	P4	30	1	12		82	XLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	20	143	1.349	35	18		CHUYEN 02 PAX TU RC4 SANG BK3
2	RC4	0	0	0	0	0	2	2	
3	BK3	0	0	0	0	20	0		
TOTAL		19	20	143	1.349	55	20		
WEIGHT KG				143	1.349	55			

GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P5 - P7 - P11	CREW: Hạnh - KHOAN - DTùng	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CẢNH TÂN	P5	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THẾ TIỀN	P5	80	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LINH	P5				20	78	NIPI	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P5	86	1	6		68	NIPI	Vietnamese
5	ĐẠO VĂN THĂNG	P5	76	1	5		75	PSV	Vietnamese
6	LÊ XUÂN TÌNH	P5	81	1	8		73	PSV	Vietnamese
7	LÊ VĂN KHOAI	P5	82	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TRỌNG NGHĨA	P5	74	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAM VĂN QUANG	P5	88	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ TRUNG KIẾN	P5	83	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN BẠC	P5					78	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG PHÚC	P5	84	1	2		51	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUÝ TOÀN	P5	85	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÔNG VĂN THỊNH	P5	78-79	2	18		88	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	77	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC THANH	P5	75	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN BÀ LƯỢNG	P7	66	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC TUÂN	P7	71-72	2	20		63	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HÙNG	P7	67	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
20	BUI NGỌC LÂM	P7	68-69	2	13	75	78	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ VĂN DOANH	P7	70	1	6		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	16	15	96	1.167	20	11		CHUYỂN 1 PAX TỪ P5 SANG P11 <i>Chuyển 1 pax P5 - P7</i>
2	P7	5	7	46	350	75	10		
3	P11	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	22	142	1.517	95	22		
WEIGHT KG				142	1.517	95			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2022	TO: P2 - P1 - P3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: QViệt - HUNG - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

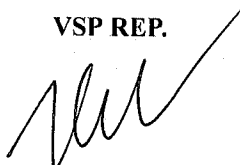
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN DOANH	P2	85-86	2	7		70	PSV	Vietnamese
2	LE TIEN LOI	P2	82	1	4	40	70	PSV	Vietnamese
3	TRAN HIEP	P2	83	1	8		73	PSV	Vietnamese
4	LE DUC CUONG	P2	84	1	9		55	PSV	Vietnamese
5	DUBOV A.V	P1	29-30	2	10		94	KH-THAC	Russian
6	KISELEV IGOR	P1	28	1	4		98	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN QUANG THO	P1	36	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN KIM CUONG	P1	38-39	2	11	35	65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HOANG NHAN	P1	39	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THANH TAI	P1	32-33	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN THANG	P1	31	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THONG	P1	27	1	4		65	PSV	Vietnamese
13	PHAN SY HOANG	P1	54	1	4		70	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SON	P3	57	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN PHONG	P3	61	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN MINH HOAI	P3	59	1	5	73	74	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUOC BINH	P3	60	1	8	50	80	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DUC HUNG	P3	58	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN VIET	P3	62	1	7		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

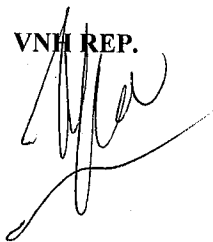
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	5	28	268	40	0		
2	P1	9	12	70	665	35	11		
3	P3	6	6	41	460	123	8		
TOTAL		19	23	139	1.393	198	19		
WEIGHT KG				139	1.393	198			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	TO: BK15 - TD2 - TD1	CREW: LHài - VTHU - dững	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	BK15	41-42	2	22		95	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN LÊ KIẾN	TD2	50	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
3	VANEEV DMITRIY	TD2	49	1	7		101	KHOAN	Russian
4	DOROSHENKO MAXIM	TD2	20	1	6		94	KHOAN	Russian
5	GROMOV SERGEY	TD2	48	1	7		84	KHOAN	Russian
6	DANG VAN DAO	TD2	51	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
7	BUI HUU HONG	TD2	54	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2	53	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH ANH	TD2	78	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
10	QUACH VAN CU	TD2	77	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	VO SY MINH TAN	TD2	95	1	3	80	58	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	88,94	2	7		65	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	74	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN BINH	TD2	19	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	76	1	15		69	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ VĂN TRỌNG	TD2	52	1	12		58	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH LÊ	TD2	96	1	7		66	YTE	Vietnamese
18	LÊ HÙNG CƯỜNG	TD2	47	1	6		99	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	1	2	22	95	0	3		CHUYEN 02 PAX BK15 SANG TD2
2	TD2	17	18	121	1.280	80	18		
3	TD1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	20	143	1.375	80	22		
WEIGHT KG				143	1.375	80			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2022	TO: BK9 - TD2 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - VLin - NNam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI NGOC TUAN	BK9	42-43	2	15		65	XAYLAP	SRV
2	LE VAN NHAN	BK9	47-48	2	18		72	XAYLAP	SRV
3	VU XUAN CHINH	BK9	44	1	18		66	XAYLAP	SRV
4	LE HONG DUY	BK9	45-46	2	17		68	XAYLAP	SRV
5	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	49	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
6	HO THANH QUANG	TD2	97	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
7	LE TRUONG LAM	TD2	98	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN DOAI	TD2	100	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
9	VU THAP TOAN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
10	LE MINH THUY	TD2	95	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN BA KY	TD2					75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THANH HAI	TD2	96	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
13	NG. DUC BINH	TD2	94	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
14	MAKAROV EVGENY	TD2	18	1	12		80	ANTOAN	Russian
15	NGUYEN VAN THANG	TD2	90-91	2	15		70	XAYLAP	SRV
16	DUONG VAN QUAN	TD2	93	1	13		70	XAYLAP	SRV

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	4	7	68	271	0	0		CHUYEN 1 PAX TD2 SANG CLO
2	TD2	12	11	92	896	0	9	1	
3	CLO	0	0	0	0	40	13		
TOTAL		16	18	160	1.167	40	22		
WEIGHT KG				160	1.167	40			

GRAND TOAL: 1.367 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2022	TO: P7 - BK10 - BK4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHOÀN - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ VĂN HÙNG	P7	95	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG HAO	P7	96-97	2	10		88	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHÂN	P7	09	1	5	50	56	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN QUANG	P7	31	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	98-99	2	12		84	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	07	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LỢI	P7	13	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THIÊN	P7	94	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO QUANG THẮNG	P7	03	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN ĐỒNG	P7	04	1	10	15	60	DVL	Vietnamese
11	HOANG VIỆT HÙNG	P7	10	1	5		72	PSV	Vietnamese
12	BUI VĂN QUÂN	P7	12	1	5		67	PSV	Vietnamese
13	VU HỮU TRƯỞNG	P7	08	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	VU TRUNG ĐỨC	P7	02	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	VU HỮU KẾ	P7	35-37	3	18		65	KHOAN	Vietnamese
16	HA KHUÔNG DUY	P7	39-40	2	15		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

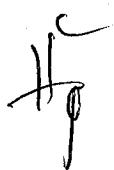
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	16	21	125	1.131	65	17	1	CHUYEN 1 PAX P7 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	45	3	1	CHUYEN 1 PAX BK10 SANG BK4
3	BK4	0	0	0	0	30	0		
TOTAL		16	21	125	1.131	140	20		
WEIGHT KG				125	1.131	140			

GRAND TOAL: 1.396 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2022	TO: TD5 - P5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: QViệt - HUNG - Huy	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	TD5	89	1	15		85	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN PHI LONG	TD5	87-88	2	15		72	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÙNG	TD5	28	1	12		73	SHINTRAC	Vietnamese
4	MẠC ĐỨC TRỌNG	TD5	93	1	12		62	SHINTRAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	38	1	12		67	SHINTRAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐĂNG QUYNH	TD5	800,01	2	15		75	SHINTRAC	Vietnamese
7	HÀ VĂN HAI	TD5	90,92	2	15		75	SHINTRAC	Vietnamese
8	LE THANH SON	TD5	34	1	15		60	SHINTRAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	67	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	P5	98-99	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ HOANG SON	P5	91	1	15		76	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LỢI	P5	96	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
13	TẠ QUANG CUÔNG	P5	92-93	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN KHOA	P5	94-95	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
15	VƯƠNG ĐỨC HUY	P5	97	1	15		100	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	8	11	111	569	0	1		
2	P5	7	10	102	535	0	5		
TOTAL		15	21	213	1.104	0	6		
WEIGHT KG				213	1.104	0			

GRAND TOAL: 1.317 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 610	ETD: 12:00
FLIGHT: 08	TO: CTK3 - P8 - CLO	CREW: ATUÂN - HHai	ETA: 14:00

ROUTE: VT - CTK3 - P8 - CLO - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY	
						PCS	KGS	W.T	
SECTOR 1 : VT - CTK3									
1	NIL					0	0		
2	TRANSFER 1 PAX CTK3 TO P8					0	0		
	PAX OUT	0		PAX IN	0	WT:	0	0	0
SECTOR 2 : VT - P8									
3	NIL					0	0		
	PAX OUT	0		PAX IN	2	WT:	0	0	0
SECTOR 3 : VT - CLO									
4	NIL					0	0		
	PAX OUT	0		PAX IN	11	WT:	0	0	0
TOTAL		0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
VSP REP.					CARGO WEIGHT
					0
VNH REP.					TOTAL
					0
CAPTAIN					

FINISHED: 00:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name S signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

Danh sách F0 trên giàn Cứu Long ngày 10.03.2022

STT	Họ Tên	Danh số / CMND	Quốc tịch	Chức danh / nghề nghiệp	Ban vị / Công ty	Đơn vị đăng ký	Từ công trình	Đến công trình	Ngày bay ra	Phương tiện	Test tại giàn ngày 09.10/03/2022	Ghi chú
No	Ф.И.О.	Passport	Гражданство	Должность / Профессия	Исполнительное / Компания	Подразделение / Закрытие	С объекта	На объект	Дата отбытия	Средство		Примеч.

DANH SÁCH F0 10/03/2022

1	Vũ Trọng Nhiên	19617	Việt Nam	Thợ vận hành	VSP-Khai Thác	ПУИПТ	Берет	Кав/Лонг	2/10/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
2	Phạm Minh Hoàng	17088	Việt Nam	Thợ lái cầu	VSP-Khoan	ПБИКРС	Берет	Кав/Лонг	2/15/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
3	Trần Văn Định	16680	Việt Nam	Thợ điện	VSP-Khoan	ПБИКРС	Берет	Кав/Лонг	2/15/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
4	Vũ Thế Năng	11799	Việt Nam	Kíp trưởng khoan	VSP-Khoan	ПБИКРС	Берет	Кав/Лонг	2/15/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
5	Đặng Duy Lý	17089	Việt Nam	Thợ lái cầu	VSP-Khoan	ПБИКРС	Берет	Кав/Лонг	2/27/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
6	Nguyễn Phú Vinh	6607	Việt Nam	Kỹ sư Động lực	VSP-Khoan	ПБИКРС	Берет	Кав/Лонг	2/27/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
7	Nguyễn Sĩ Long	19478	Việt Nam	Thợ điện	VSP-Khoan	ПБИКРС	Берет	Кав/Лонг	2/27/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
8	Trần Doan Sơn	PVDI-201	Việt Nam	Thợ CAM - PVDI	VSP-Khoan	ПБИКРС	Берет	Кав/Лонг	2/27/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
9	SADOVNICHENKO	20558	NGA	BC SỰ CỐ	VSP-Khoan	ПБИКРС	МСТ-7	Кав/Лонг	3/5/2022	tàu	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
10	Lê Văn Phú	18-YT	Việt Nam	Bs Biển	VSP-YTc	ЦМО	Берет	Кав/Лонг	2/27/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)
11	Lê Văn Đông	4203	Việt Nam	Thợ người TBK	VSP-Khoan	ПБИКРС	Берет	Кав/Лонг	2/15/2022	máy bay	Dương tỉnh	Flight 610 (12h00 - 13h30)

DANH SÁCH CBCNV có xét nghiệm âm tính 09/03/2022 (có mặt trên giàn từ trước ngày 09/03/2022)

1	Nguyễn An Ninh	11625	Việt Nam	Thợ vận hành	VSP-Khai Thác	ПУИПТ	Берет	Кав/Лонг	2/10/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
2	Trần Lê Chiến	21074	Việt Nam	Thợ vận hành	VSP-Khai Thác	ПУИПТ	Берет	Кав/Лонг	2/10/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
3	Lê Minh Hiệp	18122	Việt Nam	Thợ điện	VSP-Khoan	ПБИКРС	Берет	Кав/Лонг	2/15/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)

4	Lê Nhò Cang	06085015077	Việt Nam	Công nhân	PetroSetco	Petrosetco	Берет	Кав/Тонг	2/15/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
5	Nguyễn Công Bằng	18736	Việt Nam	Thợ diesel	VSP-Khoan	ПБН/КРС	Берет	Кав/Тонг	2/15/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
6	Nguyễn Duy Đồng	036085012092	Việt Nam	Công nhân	PetroSetco	Petrosetco	Берет	Кав/Тонг	2/15/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
7	Vlasov Aleksandr	21091	Nga	Đào công	VSP-Khoan	ПБН/КРС	Берет	Кав/Тонг	2/15/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
8	Vũ Ngọc Hùng	038075014154	Việt Nam	Công nhân	PetroSetco	Petrosetco	Берет	Кав/Тонг	2/15/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
9	Vũ Văn Thám	034087002701	Việt Nam	Công nhân	PetroSetco	Petrosetco	Берет	Кав/Тонг	2/15/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
10	Đỗ Huy Bình	18951	Việt Nam	Thợ người TBK	VSP-Khoan	ПБН/КРС	Берет	Кав/Тонг	2/27/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
11	Từ Quốc Việt	11948	Việt Nam	Điện báo viên	VSP-Khoan	ПБН/КРС	Берет	Кав/Тонг	2/27/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)
12	Vorobyev Sergey	17235	Nga	Chánh kỹ sư	VSP-Khoan	ПБН/КРС	Берет	Кав/Тонг	2/27/2022	máy bay	Âm tính	Flight 424 (9h55 - 11h25)

Bác sỹ

Lê Minh Thắng

10/03/2022

Danh sách đăng ký về (hoặc chuyển) từ CTB -

[illegible]



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 15:00
FLIGHT:	TO: PVD1	CREW: CÔNG - Thanh	ETA: 16:30

ROUTE: VT - PVD1 - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - PVD1								
1	NIL PAX					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	13	WT:	0	0
TOTAL		0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK : DON F0					
VSP REP.					PAX.WEIGHT
VNHS REP.					BAG.WEIGHT
CAPTAIN					CARGO WEIGHT
					TOTAL

FINISHED: 14:10
FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

Paxon: 0

Pax OFF: 13

FLIGHT MANIFEST



ROUTE: VT → PVD1 → VT

DATE :	10 March 2022		FROM : PVD1	ETD : 16 05	AIRCRAFT	VN8614		
FLIGHT :	Supper Puma - No:		TO : VUNG TAU	ETA : 16 40	CREW	Cong - Thanh		
No°	NAME	POSITION	COMPANY	NATIONALITY	PP / ID No°	BODY WEIGHT	BAGGAGE	
							PCS	KG
1	Nguyễn Tuấn Minh	Service Supervisor	PVDWS	Vietnamese	30079016161	70	2	11
2	Đinh Quang Huy	Tong Operator	PVDWS	Vietnamese	273672479	62	1	13
3	Ngô Xuân Điền	Tong Operator	PVDWS	Vietnamese	273456473	73	1	12
4	Ngô Văn Cường	Tong Operator	PVDWS	Vietnamese	031080004565	67	1	15
5	Phan Vĩnh Trường	Wireline	VSP	Vietnamese	15244	70	1	11
6	Vũ Huy Tọa	Cementer	PVD BHI	Vietnamese	273045581	70	2	15
7	Đặng Minh Sơn	Cement Helper	PVD BHI	Vietnamese	273154708	71	2	15
8	Ngo Van Tao	Mechanic	PVD	Vietnamese	036063007154	62	1	7
9	Ho Minh Phuc	C.Cook	PSV	Vietnamese	186410487	84	1	6
10	Nguyễn Việt Thắng	Motorman	PVD	Vietnamese	173363599	60	1	5
11	Pham Anh Sơn	Pumpman	PVD	Vietnamese	33072000445	81	1	5
12	Phan Văn Mạnh	Floorman	PVD	Vietnamese	31087011484	60	1	5
13	Đào Văn Tiến	Baker	PSV	Vietnamese	273536970	60	2	12
No°	FREIGHT DESCRIPTION			DESTINATION	QUANTITY	WEIGHT		
1				Vungtau				

Companyman

Chopper Pilot

Nguyễn Ngọc Lê

TOTAL PAX TO VT	13	PAX
Body Weight	890	KG
Baggage Weight	132	KG
Freight Weight	0	KG
GRAND TOTAL	1022	KG